

# CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ

**TRẦN VĂN TÙNG \***

**T**Ừ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, trật tự kinh tế thế giới đã có nhiều thay đổi lớn. Sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, trật tự kinh tế thế giới hai cực mau chóng chuyển sang đa cực. Cùng với xu thế toàn cầu hóa, xu thế hợp tác, phát triển đã thúc đẩy quá trình tự do hóa thương mại và đầu tư vận động theo hướng có lợi cho nhiều nước đang phát triển, đặc biệt là các nước lớn như Trung Quốc và Ấn Độ. Sự xuất hiện của Trung Quốc và Ấn Độ với tư cách là những "người chơi" mới trong nền kinh tế toàn cầu đã làm chúng ta nhớ lại sự xuất hiện của nước Đức trước chiến tranh thế giới thứ hai và Hoa Kỳ đầu thế kỷ XX. Bởi vì những sự kiện đó sẽ góp phần thay đổi trật tự kinh tế thế giới.

## **1 - Hiện tượng đặc biệt của kinh tế Trung Quốc**

Trong suốt những thập kỷ gần đây, báo chí quốc tế bàn nhiều về sự phát triển rất nhanh của nền kinh tế Trung Quốc. Quốc gia này đang trở thành một trung tâm của kinh tế thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa đang phát triển mạnh mẽ.

Nếu so sánh nền kinh tế Trung Quốc với Nhật Bản thì có thể nói rằng, nền kinh tế Trung Quốc đang phát triển theo con đường không phải chủ yếu dựa vào sao chép công nghệ, mà là nơi đầu tư những thành tựu công nghệ mới. Ít có nước nào thay đổi nhanh chóng và mạnh mẽ như Trung Quốc kể từ năm 1970. Quốc gia

đông dân nhất thế giới này đã tự do hóa toàn diện nền kinh tế và chuyển từ xuất khẩu hàng hóa tiêu dùng giản đơn có chất lượng thấp sang hàng hóa tinh vi, công nghệ cao nhờ thu hút được hơn 500 tỉ USD vốn đầu tư trong thời kỳ từ năm 1990 - 2003. Nước này đã trở thành "một công xưởng khổng lồ", sản xuất hàng hóa xuất khẩu với kim ngạch 380 tỉ USD vào năm 2003. Trung Quốc chiếm tới 16% mức tăng trưởng của nền kinh tế thế giới vào năm đó và chỉ đứng sau Mỹ.

Những chiến lược thành công của Trung Quốc là do chính sách mở cửa, cải cách, chú trọng vào công nghệ cao và quyết tâm trở thành một "nhà lãnh đạo kinh tế trong khu vực", một cường quốc về kinh tế. Nhờ những tiến bộ vượt bậc về công nghệ, viễn thông, Trung Quốc đã có quyền lực mạnh hơn nhiều trong nền kinh tế toàn cầu khi nó đạt tới thời kỳ hoàng kim nếu so với cuộc cách mạng công nghiệp ở châu Âu diễn ra vào năm 1820. Trung Quốc có ảnh hưởng ngoại giao lớn để củng cố sức mạnh kinh tế và chính trị. Việc phóng thành công tàu Thần Châu 5 có người lái vào năm 2005 cho thấy tiềm lực kinh tế, khoa học công nghệ mạnh mẽ của Trung Quốc. Quyết định mở cửa nền kinh tế bằng cách thúc đẩy hoạt động thương mại và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã đưa lại cơ hội cho Trung Quốc

\* PGS, TS, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Năm 2004, Trung Quốc là nước đứng thứ hai thế giới (sau Mỹ) về thu hút FDI với tổng vốn đầu tư tích lũy chiếm tới hơn 40% GDP.

Ngoài sự tăng trưởng cao đặc biệt do đầu tư nước ngoài tạo ra, sự phát triển của Trung Quốc còn thể hiện ở cam kết phát triển các ngành công nghệ cao, quyết tâm bước nhanh vào kinh tế tri thức. Năm 2004, tổng số điện thoại cố định gần 400 triệu, tăng 90 lần so với năm 1989, 69 triệu người truy cập In-to-nét bằng máy tính cá nhân, hơn 200 triệu hộ gia đình Trung Quốc có truyền hình cáp, hơn 200 triệu người sử dụng điện thoại di động, hàng triệu người truy cập In-to-nét bằng điện thoại di động. Trung Quốc trở thành một thị trường truyền thông lớn nhất thế giới.

Thành công của Trung Quốc đã làm thay đổi thị trường ngành công nghiệp điện tử châu Á vốn trước đây do Nhật Bản, Hàn Quốc chi phối. Trung Quốc chiếm hơn 30% lượng xuất khẩu hàng điện tử trong khu vực này. Các công ty của Đài Loan là những nhà cung cấp linh kiện điện tử chủ yếu cho các công ty sản xuất máy tính hàng đầu Trung Quốc. Nhờ vậy, Trung Quốc có thể sản xuất ra số lượng lớn các máy tính xuất khẩu sang phần còn lại của thế giới.

Mức tăng trưởng ấn tượng gần đây về xuất khẩu và nhập khẩu cho thấy Trung Quốc đã trở thành một "mắt xích" rất quan trọng trong chuỗi sản xuất toàn cầu đối với nhiều loại sản phẩm. Mười lăm năm trước đây, dòng thương mại nội vùng châu Á rất đơn giản. Hàng hóa và linh kiện điện tử được xuất khẩu từ Nhật Bản, đi đến các nước NIEs để chế biến, sau đó lại xuất khẩu sang các nước công nghiệp. Việc Trung Quốc mở cửa thị trường đã bổ sung thêm một "mắt xích" của chuỗi sản xuất này. Dòng chảy đó là một bằng chứng cho thấy Trung Quốc nổi lên thành một trung tâm kép. Nói cách khác, Trung Quốc trở thành một trung tâm chế tạo cho phần còn lại của thế giới hàng hóa cấp thấp sử dụng nhiều lao động, đồng thời cũng là trung tâm chế tạo những hàng hóa có

hàm lượng vốn và công nghệ cao. Sự bùng nổ xuất khẩu, nhập khẩu và đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc là động lực cho sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Trong thập kỷ 90 của thế kỷ trước, kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc từ châu Á tăng nhanh, từ 4,1 tỉ USD (năm 1990) lên 370 tỉ USD (năm 2004) và xuất khẩu tăng từ 4,6 tỉ USD lên 380 tỉ USD. Nếu Trung Quốc vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu như hiện nay thì trong vài năm tới, kim ngạch xuất khẩu của nước này sẽ vượt Nhật Bản. Chính nhờ những thành công của Trung Quốc nên Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc yêu cầu Trung Quốc phải điều chỉnh lại giá trị đồng nhân dân tệ để giảm lượng hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc sang các nước này. Nhờ tỷ giá cố định, Trung Quốc kể cả Hồng Kông hiện nay, đang có lượng dự trữ ngoại tệ lên tới 649 tỉ USD.

## **2 - Ấn Độ theo đuổi chính sách trở thành cường quốc**

Theo dự báo của IMF, WB và nhiều công trình nghiên cứu, Ấn Độ có thể trở thành một cường quốc kinh tế vào giữa thế kỷ XXI với GDP đạt khoảng 30.000 tỉ USD, vượt Nhật Bản và chỉ đứng sau Mỹ. Liệu dự báo này có trở thành hiện thực hay không?

Trong quá trình toàn cầu hóa, Ấn Độ là nước có nhiều tiềm năng thu hút đầu tư nước ngoài phục vụ cho xuất khẩu hàng công nghệ cao. So với Trung Quốc, Ấn Độ thua xa về thu hút đầu tư nước ngoài. Năm 2002, Trung Quốc thu hút 52 tỉ USD FDI trong khi đó Ấn Độ chỉ thu hút được 6 tỉ USD. Nhưng Ấn Độ phát huy thế mạnh khác là sử dụng nguồn nhân lực tài năng qua đào tạo, đặc biệt trong lĩnh vực toán học và công nghệ ở trong và ngoài nước. Nhiều đánh giá cho rằng sau khi Trung Quốc trở thành "công xưởng" của thế giới thì Ấn Độ được lợi từ quá trình toàn cầu hóa do di chuyển lao động có kỹ năng. Nhiều công ty lớn trên thế giới đã sử dụng đội ngũ nhân công lành nghề Ấn Độ. Sự cất cánh của công nghệ Ấn Độ là một hiện tượng thần kỳ đang đe dọa nhiều

quốc gia, kể cả Mỹ. Năm 2000, Ấn Độ mới xuất khẩu được 6 tỉ USD sản phẩm phần mềm. Ước tính đến năm 2008, con số đó là hơn 50 tỉ USD, chiếm 1/3 tổng kim ngạch xuất khẩu của quốc gia. Hiện nay, 300 công ty xuyên quốc gia trong số 500 công ty lớn nhất thế giới có hợp đồng mua phần mềm của Ấn Độ. Trí tuệ Ấn Độ đang có giá làm cho tỷ lệ kỹ sư phần mềm thất nghiệp của Mỹ tăng gấp đôi. Số lượng kỹ sư công nghệ thông tin làm việc tại Băng-ga-lo của Ấn Độ là 150 nghìn người, nhiều hơn cả thung lũng Xi-li-côn của Mỹ (120 nghìn người). Ít nhất có tới 1/3 sản lượng của ngành công nghệ thông tin Mỹ được thực hiện ở nước ngoài, chủ yếu là ở Ấn Độ với khoảng 3 triệu chỗ làm việc. Ấn Độ đang tiếp quản nhiều việc làm từ các quốc gia khác bởi vì lương kỹ sư công nghệ của Ấn Độ khá cao, khoảng 10.000 USD/năm. Chính nguồn chất xám có chỉ số IQ cao, chi phí thấp, nói tiếng Anh thành thạo giúp cho Ấn Độ vượt Trung Quốc trong việc gây ảnh hưởng với Mỹ, ít nhất là trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Ngoài công nghệ thông tin, phân tích tài chính cũng là một thế mạnh của các chuyên gia Ấn Độ. Các công ty chứng khoán phố Uôn đã chuyển nhiều hợp đồng phân tích tài chính cho các trung tâm thuộc miền Nam Ấn Độ.

Ấn Độ có chiến lược phát triển giáo dục tốt, tạo ra đội ngũ nhân lực tài năng trong những ngành công nghiệp cao. Để phát triển đất nước theo con đường nhanh nhất, Chính phủ Ấn Độ xác định cần phải đầu tư ở mức cao về vốn, nhân lực cho việc phát triển các lĩnh vực công nghệ cao. Ấn Độ khuyến khích các nhà khoa học - công nghệ Ấn Độ đang hoạt động tại Mỹ trở về giảng dạy và lập các trường đại học ở trong nước. Nhiều người Mỹ gốc Ấn đã giúp chính phủ Ấn Độ thành lập các trường kinh doanh, công nghệ, liên kết với các trường đại học của Mỹ để thu hút các nhân tài gốc Ấn về nước. Theo đánh giá của WB, kinh tế Ấn Độ đạt tốc độ tăng trưởng 7,5% vào năm 2005 là nhờ đóng góp của các lĩnh vực công nghệ cao, chủ lực là công nghệ thông tin và công nghệ tự động hóa.

Bên cạnh việc phát triển các ngành công nghệ cao, các ngành công nghiệp tập trung nhiều lợi thế về nguồn tài nguyên, lao động dồi dào cũng được Chính phủ Ấn Độ chú ý phát triển, điển hình là ngành dệt may. Ngành dịch vụ hiện là một thế mạnh của Ấn Độ và có xu thế tăng trưởng nhanh hơn công nghiệp chế tạo, đây là một đặc điểm khác với Trung Quốc. Trong những thập kỷ vừa qua, ngành dịch vụ của Ấn Độ luôn đạt mức tăng trưởng 9%/năm ngay cả khi tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 5%. Nhiều đánh giá cho rằng, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế dựa vào công nghệ cao, ngành dịch vụ và nhân lực tài năng của Ấn Độ có thể vượt Trung Quốc và đe dọa cả ngành dịch vụ của Mỹ. Với thị trường mở cửa, môi trường đầu tư luôn được cải thiện thì khả năng cạnh tranh của Ấn Độ, theo đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới, là ngang bằng với Pháp và Tây Ban Nha.

Việc Ấn Độ trở thành cường quốc hạt nhân, đạt trình độ công nghệ cao tầm cỡ thế giới trong lĩnh vực công nghệ thông tin, đã làm cho uy tín của nước này ngày càng tăng lên.

### **3 - Một vài đánh giá so sánh**

Một số nhà kinh tế học của Đại học Ha-vớt (Mỹ) cho rằng, Trung Quốc dùng đầu tư nước ngoài làm đòn bẩy tăng trưởng kinh tế. Biện pháp chính sách của Ấn Độ dựa vào công nghệ thông tin, dịch vụ mang lại hiệu quả chậm hơn nhưng bền vững hơn. Mục tiêu của hai nước đều muốn trở thành cường quốc về kinh tế, nhưng không phải con đường phát triển không có những khó khăn thách thức.

#### **a - Trường hợp Trung Quốc**

Trung Quốc đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận trong phát triển kinh tế - xã hội khi thực hiện quá trình cải cách, mở cửa. Tuy nhiên, quá trình này cũng gặp phải những khó khăn, thách thức rất lớn.

Thứ nhất, nghèo khổ và bất bình đẳng tiếp tục gia tăng. Trung Quốc có số dân khổng lồ, với hơn 1,3 tỉ người, hằng năm tăng thêm 16 triệu người. Từ năm 1990 đến 1999, dân số

trong độ tuổi lao động tăng thêm hơn 150 triệu người. Gần 70% dân số Trung Quốc sống ở nông thôn. Trước đây, tăng trưởng của Trung Quốc chủ yếu do các xí nghiệp vừa và nhỏ tạo ra. Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, các doanh nghiệp nhỏ sử dụng công nghệ lạc hậu không thể cạnh tranh với các công ty lớn của nước ngoài đang đầu tư tại Trung Quốc. Hàng loạt xí nghiệp hương trấn đứng trước hoàn cảnh hoặc phải đóng cửa, hoặc phải sáp nhập và phá sản. Số lượng lao động thất nghiệp ở nông thôn đang tăng nhanh. Lao động không qua đào tạo có thu nhập thấp hơn, hậu quả là 150 triệu người di chuyển vào các thành phố lớn tìm kiếm việc làm, bất bình đẳng xã hội tăng cao. Nhiều nhà kinh tế học phương Tây cho rằng, cách thức thúc đẩy tăng trưởng sẽ là hợp lý hơn nếu như Trung Quốc có chính sách đầu tư phát triển các doanh nghiệp trong nước để họ nâng cao năng lực cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài thay vì thu hút FDI để thúc đẩy tăng trưởng. Bởi vì cách thức đó tạo ra số lượng người thất nghiệp tăng. Chênh lệch về phát triển giữa miền Đông và miền Tây rất lớn. Thậm chí dẫn đến tình trạng dư thừa công suất trong một số ngành sản xuất.

*Thứ hai*, tình trạng xuống cấp của môi trường Trung Quốc là một thách thức to lớn sau thách thức về bất bình đẳng thu nhập. Môi trường của Trung Quốc ngày càng bị ô nhiễm nghiêm trọng do tốc độ tăng trưởng kinh tế quá nóng trong thời gian qua.

Tăng trưởng về công nghiệp khuyến khích các xí nghiệp mở rộng quy mô sử dụng nhiều năng lượng. Trung Quốc có trữ lượng dầu mỏ, khí đốt hạn chế, nhưng trữ lượng than khổng lồ, do đó hầu hết các xí nghiệp sử dụng năng lượng than. Khai thác than với chi phí thấp đã đáp ứng nhu cầu tăng vọt về năng lượng nhằm thỏa mãn yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp. Năm 2004 Trung Quốc đã khai thác hơn 1,2 tỉ tấn than và sử dụng tới 3/4 lượng than của cả thế giới.

*Thứ ba*, một cuộc khủng hoảng tài chính có thể xảy ra ở Trung Quốc do việc bơm tiền vào

nền kinh tế. Trong thời kỳ 1997 - 1998, các xí nghiệp của Trung Quốc đã vay 120 tỉ USD/năm, chiếm 80 - 90% tổng tín dụng mà các ngân hàng và tổ chức tài chính khác đã cho Trung Quốc vay. Theo thẩm định, các khoản tín dụng này không có hiệu quả, có tới 20 - 25% vốn tín dụng của ngân hàng Trung Quốc là khoản nợ khó đòi, tăng từ 250 tỉ USD năm 1997 lên 600 tỉ USD năm 2002.

### **b - Trường hợp Ấn Độ**

*Trước hết*, Ấn Độ đã có những thành tích đáng tự hào trong phát triển công nghiệp dựa vào các ngành công nghiệp chế tạo, tự động hóa, công nghệ thông tin. Theo đánh giá của Tạp chí tài chính *Forbers*, năm 2002, trong 200 công ty phát triển tốt nhất thế giới thì Ấn Độ có 13 công ty, Trung Quốc chỉ có 4 công ty. Tuy nhiên, số lượng các ngành công nghiệp có khả năng cạnh tranh cao của Ấn Độ trên thế giới chưa nhiều. Hầu hết các ngành công nghiệp trong nước hiện đang thiếu khả năng tham gia vào những sân chơi lớn, do chính phủ chưa chú ý phát triển toàn diện các ngành công nghiệp. Do thiếu vốn đầu tư để sản xuất hàng hóa xuất khẩu, Ấn Độ đang gặp khó khăn trong việc đuổi kịp tốc độ các nước Đông Á về tăng trưởng. Thực tế cho thấy, Ấn Độ cần phải cải thiện môi trường đầu tư để thu hút các nhà đầu tư phục vụ xuất khẩu.

*Thứ hai*, Ấn Độ là nước đang phát triển, nhưng lại có mức bảo hộ mậu dịch tương đối cao. Nhiều khu vực kinh tế chưa được cải cách. Cơ cấu kinh tế chuyển đổi rất chậm, tình trạng nghèo đói ở nông thôn không được cải thiện. Một quốc gia với số dân hơn 1 tỉ người nhưng 35% - 40% dân số Ấn Độ mù chữ, cứ 3 người thì có 1 người phải xoay sở với cuộc sống dưới 1 USD/ngày. Tỷ lệ người có thu nhập dưới 1 USD/ngày của Ấn Độ là 35% (cao hơn so với tỷ lệ của Trung Quốc hiện là 22%).

*Thứ ba*, Ấn Độ là cường quốc đang nổi lên và đã có những thay đổi đáng kể về thể chế chính trị, tư duy chiến lược. Những thay đổi đó được vận dụng rất có hiệu quả trong chính sách đối ngoại của mình. Tuy nhiên, kẻ thù trí tuệ

của nước này là sự phân biệt đối xử, trọng nam khinh nữ và sự xuất hiện trở lại tư tưởng cuồng tín của các tín đồ Hin-đu. Thể chế chính trị là dân chủ, nhưng xung đột tôn giáo có thể phá hủy nền kinh tế, trọng bối cảnh những cơ hội cho phát triển của Ấn Độ vẫn chưa chắc chắn. Đối với Ấn Độ, cải cách xã hội là một thách thức rất lớn.

#### **4 - Trung Quốc và Ấn Độ trên bản đồ thế giới**

Những thập kỷ trước đây, có người cho rằng toàn cầu hóa là "Mỹ hóa", ngược lại, những đánh giá gần đây cho thấy thế kỷ XXI là thế kỷ của châu Á với sự nổi lên của Trung Quốc và Ấn Độ. Sự kết hợp giữa tốc độ tăng trưởng cao, liên tục, năng lực quân sự hùng mạnh, dân số đông sẽ là cơ sở vững chắc làm tăng quyền lực kinh tế và chính trị của hai quốc gia này. Do dân số của Trung Quốc và Ấn Độ tăng nhanh, ước tính vào năm 2020 dân số Trung Quốc khoảng 1,4 tỉ và Ấn Độ 1,3 tỉ người nên mức sống ở những nước này chưa đạt ngang mức sống của các nước phương Tây, nhưng họ vẫn là cường quốc kinh tế. Tổng sản phẩm quốc nội của Trung Quốc có thể vượt qua tất cả các nước (trừ Mỹ) và Ấn Độ sẽ đuổi kịp các nền kinh tế Tây Âu. Tất cả những lợi ích của toàn cầu hóa sẽ không chia đều cho các quốc gia. Mặc dầu cho đến năm 2020, Mỹ có thể vẫn tiếp tục giữ vị trí hàng đầu, thế nhưng khoảng cách giữa Mỹ, Trung Quốc và Ấn Độ sẽ bị thu hẹp. Bởi vì những lợi ích của toàn cầu hóa sẽ đổ dồn vào những nước tiếp thu được công nghệ mới, do quá trình lan tỏa công nghệ giữa các nước công nghiệp sang các nước đang phát triển rất nhanh chóng. Theo đuổi chính sách tiếp thu công nghệ toàn cầu giúp cho các nước đang phát triển có thể bỏ qua một số giai đoạn của quá trình phát triển để đến giai đoạn mà một số quốc gia hàng đầu về công nghệ như Mỹ và Tây Âu phải nỗ lực trong suốt thời gian dài mới sản sinh ra công nghệ mới. Trung Quốc và Ấn Độ là những nước tranh thủ được các cơ hội đó và họ cũng đang đầu tư nhiều hơn cho nghiên cứu khoa học cơ bản để thống trị một số lĩnh vực chủ chốt trên thế giới. Mỹ sẽ phải chứng

kiến quyền lực của mình bị xói mòn cho dù đến năm 2020, họ vẫn có khả năng giữ vị trí hàng đầu trên mọi phương diện quyền lực. Tăng trưởng mạnh mẽ của Trung Quốc và Ấn Độ trong vòng 20 năm tới có thể sẽ không chỉ tái định hình quá trình toàn cầu hóa, làm cho bộ mặt toàn cầu hóa không còn mang đặc điểm phương Tây, mà còn thay đổi cả sân chơi chính trị.

Sự lớn mạnh của Trung Quốc khiến nước này cùng với EU, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ trở thành những mũi chủ lực phá thế đơn cực. Để làm giảm sức ép từ Mỹ, Trung Quốc đã thiết lập các quan hệ đối tác với Nga và Ấn Độ. Nhờ các quan hệ ngày càng thắt chặt trên nguyên tắc cởi mở giữa ba nước Nga - Trung - Ấn, trực liên minh này phần nào đã làm giảm sức ép của Mỹ và phương Tây trong việc giải quyết các cuộc tranh chấp quốc tế.

Trong nhiều thập kỷ qua, quan hệ Trung - Ấn đã trải qua nhiều thăng trầm. Năm 2002, sau chuyến thăm của cựu Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ, quan hệ hai nước đã có những thay đổi lớn. Sự thay đổi gần đây dựa vào những biến động sau thời kỳ chiến tranh lạnh, trong bối cảnh quốc tế chuyển từ quan hệ chính trị sang quan hệ kinh tế. Trung Quốc và Ấn Độ là hai quốc gia đang phát triển lớn nhất thế giới. Sự hòa hợp về mục tiêu phát triển và lợi ích quốc gia là nhân tố để hai nước xích lại gần nhau hơn. Tình hình quốc tế sau sự kiện ngày 11-9-2001 cũng tạo lập cơ sở cho hai nước hợp tác chống khủng bố. Ngày 23-6-2003 tại Bắc Kinh, Trung Quốc và Ấn Độ đã ký "Tuyên bố nguyên tắc quan hệ và hợp tác toàn diện" Trung - Ấn. Tuyên bố bảo đảm cho hai nước phát triển quan hệ đối tác, hợp tác lâu dài cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng lẫn nhau, giữ vững sự ổn định và phồn vinh tại khu vực châu Á và trên thế giới. Ngoài các hiệp định hợp tác kinh tế, Trung Quốc và Ấn Độ cũng đang tích cực hợp tác trong lĩnh vực quân sự, kinh tế. Trong vài năm tới, Trung Quốc sẽ thay thế Mỹ trở thành là đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ. □